

VIỆTGAP TRONG SẢN XUẤT RAU AN TOÀN Ở THÀNH PHỐ HÀ NỘI

VietGAP in Safe Vegetable Production in Hanoi City

Ngô Thị Thuận

Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội

Địa chỉ email liên hệ tác giả: *Thuanktl@hva.edu.vn*

TÓM TẮT

Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho rau, quả tươi an toàn tại Việt Nam” được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn ban hành từ tháng 1 năm 2008. Dựa trên các báo cáo tổng kết sau 1 năm thực hiện quy trình VietGAP của các ban, ngành, chi cục của thành phố và khảo sát đại diện 120 hộ đăng ký trồng rau theo VietGAP của 4 xã thuộc 2 huyện Gia Lâm và Đông Anh, nghiên cứu này đánh giá kết quả bước đầu thực hiện quy trình VietGAP trong sản xuất rau an toàn ở thành phố Hà Nội cũ trên các khía cạnh: sự hình thành VietGAP; các hoạt động triển khai quy trình VietGAP cho sản xuất rau an toàn trên toàn thành phố; nhận thức và thực hiện 12 tiêu chuẩn theo quy trình VietGAP của người dân sản xuất rau; các yếu tố cản trở và khuyến nghị giải pháp cho thực thi quy trình này trên diện rộng.

Từ khoá: Rau an toàn, VietGAP.

SUMMARY

Viet Nam Good Agriculture Practice (VietGAP) for safe, fresh vegetables and fruits production in Vietnam was issued by Ministry of Agriculture and Rural Development (MARD) in January 2008. After one year of VietGAP implementation, basing on reported documents of Hanoi DARD, Department of Plant Protect and the survey on 120 vegetables producers, who registered to apply VietGAP in 4 communes of 2 districts (Gia Lam and Dong Anh), this research evaluated initial results of VietGAP implementation in safe vegetable production in former Hanoi city in terms of history of VietGAP application; activities in VietGAP procedure for safe vegetable production; vegetable producers' awareness and level of 12 VietGAP standard criteria application, obstacles and policy recommendations for spreading VietGAP application.

Key words: Safe vegetable, VietGAP.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm gần đây, sản xuất rau của Hà Nội nói riêng và của cả nước nói chung có những bước thay đổi rõ rệt cả về diện tích, năng suất, sản lượng, chủng loại và đặc biệt là yêu cầu an toàn thực phẩm. Tuy nhiên, vấn đề ngộ độc thực phẩm (nhất là ngộ độc do ăn rau) vẫn xuất hiện mà nguyên nhân là do sử dụng hóa chất độc hại, kim loại nặng, tồn dư thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) và ô nhiễm vi sinh vật. Qua kiểm tra của Chi cục Bảo vệ thực vật (BVTV) năm 2009 trong 540 mẫu rau vẫn có 46 mẫu (chiếm 8,5%) không bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm (Chi cục BVTV Hà Nội, 2009).

Hà Nội là thành phố đông dân nhất của cả nước, nhu cầu về sản phẩm nông nghiệp (nhất là rau xanh) đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) là vấn đề cấp thiết đối với người tiêu dùng thủ đô. Hiện tại Hà Nội mới sản xuất đáp ứng được 40% nhu cầu rau của người dân (trong đó có 8,6% là rau an toàn). Trên thực tế do khó khăn trong tiêu thụ mà chưa khuyến khích người sản xuất không những chưa mạnh dạn đầu tư phát triển, mà còn không thực hiện đúng qui trình dẫn đến hậu quả độc tố trong rau rất cao, nguy cơ độc cấp tính và mãn tính gia tăng nhưng không rõ trách nhiệm.

Nhìn trên khía cạnh chất lượng, vấn đề sản xuất rau theo hướng công nghệ cao, đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng và sự bền vững của môi trường trong sạch đã và đang là một thách thức không nhỏ, đòi hỏi phải có một hệ thống giải pháp có tính chiến lược, đồng bộ với sự tham gia của các cơ quan, tổ chức, các cá nhân từ người sản xuất, chế biến, tiêu thụ và tiêu dùng. Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cho rau quả tươi an toàn tại Việt Nam (VietGAP), ban hành theo Quyết định số 379/QĐ-BNN-KHCN ngày 28 tháng 1 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã triển khai nhằm đáp ứng yêu cầu nói trên. Cho đến nay, quy trình này được thử nghiệm ở các thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng và Hồ Chí Minh nhưng còn rất ít các nghiên cứu về đánh giá kết quả và những thách thức khi thực hiện quy trình này. Nghiên cứu này nhằm đánh giá những kết quả bước đầu và thách thức khi áp dụng qui trình VietGAP trong sản xuất rau an toàn cho thành phố Hà Nội, làm căn cứ để đề xuất các khuyến nghị nhằm triển khai áp dụng quy trình này trên diện rộng.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu này được thực hiện trên địa bàn thành phố Hà Nội cũ, song các nội dung chuyên sâu về thực hiện qui trình VietGAP được tiến hành khảo sát điển hình tại các hộ sản xuất rau vụ đông ở các xã đại diện: Văn Đức, Đặng Xá thuộc huyện Gia Lâm; Nam Hồng và Vân Nội thuộc huyện Đông Anh.

Các tài liệu thứ cấp phục vụ cho nghiên cứu này gồm các báo cáo về vệ sinh an toàn thực phẩm, sản xuất rau quả, các quy trình sản xuất rau quả, quy trình VietGAP, các nghiên cứu có liên quan đến VietGAP..., được thu thập từ Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, Chi cục bảo vệ thực vật, các trường đại học và các bài viết về sản xuất rau, hoa quả an toàn trên các trang thông tin điện tử. Các tài liệu sơ cấp có liên quan đến kết quả sản xuất rau theo qui trình

VietGAP được thu thập thông qua phỏng vấn trực tiếp 120 hộ trồng rau an toàn vụ đông xuân năm 2008 - 2009 tại 4 xã của 2 huyện nêu trên. Trong số các hộ được chọn điều tra, có 32 hộ đăng ký trồng rau thí điểm theo VietGAP với diện tích 9320 m². Nội dung điều tra gồm điều kiện sản xuất của hộ; tình hình sản xuất rau vụ đông xuân 2008-2009 của hộ; những hiểu biết của hộ về quy trình VietGAP; những khó khăn, thuận lợi và kiến nghị nếu áp dụng quy trình VietGAP. Ngoài ra, nhóm nghiên cứu còn hỏi ý kiến các nông dân có kinh nghiệm, cán bộ kỹ thuật tại các trạm khuyến nông, chi cục bảo vệ thực vật và cán bộ quản lý theo 12 nội dung mà quy trình VietGAP đã đưa ra.

Sau khi đã xử lý, các tài liệu được tổng hợp theo các nội dung từ các xã đến huyện. Phương pháp phân tích thông tin chủ yếu là so sánh giữa thực tế với qui trình VietGAP về các tiêu chuẩn mà qui trình đã qui định. Ngoài ra, nghiên cứu còn sử dụng phân tích xã hội học dựa vào một số tiêu chí khác như nhận thức của người dân về qui trình, những khó khăn và nguyện vọng của họ khi thực hiện qui trình này.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Sơ lược về VietGAP

Cụm từ tiếng Anh viết tắt GAP (Good Agriculture Practice) có nghĩa là thực hành sản xuất nông nghiệp tốt. Đây là sáng kiến của những nhà bán lẻ châu Âu (Euro-Retailer Produce Working Group) nhằm giải quyết mối quan hệ bình đẳng và trách nhiệm giữa người sản xuất sản phẩm nông nghiệp với khách hàng của họ. Ở châu Âu, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt được áp dụng và viết tắt là EurepGAP. Về mặt kỹ thuật, EurepGAP là một tài liệu có tính chất quy chuẩn cho việc chứng nhận giống như ISO (International Standards Organization) trên toàn thế giới (EUREPGAP, 2006).

Các nước thành viên khối ASEAN với cam kết gia tăng chất lượng, giá trị của sản phẩm rau và quả đã thống nhất những quy định chung cho khu vực ASEAN được gọi là ASEANGAP. Mục tiêu của ASEANGAP là bảo vệ môi trường, kỹ thuật canh tác, an toàn thực phẩm cho xã hội, hài hòa và phù hợp với các nước thành viên đến năm 2020 (ASEAN Secretariat, 2006).

“VietGAP- Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) cho rau, quả an toàn tại Việt Nam” được biên soạn dựa theo ASEANGAP, hệ thống phân tích nguy cơ và xác định điểm kiểm soát tới hạn (Hazard Analysis Critical Control Point; HACCP), các hệ thống thực hành sản xuất nông nghiệp tốt quốc tế được công nhận như: EUREP GAP/GLOBALGAP (EU), FRESHCARE (Úc) và luật pháp Việt Nam về vệ sinh an toàn thực phẩm (Bộ Nông nghiệp & PTNT - 2008). VietGAP áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia sản xuất, kinh doanh, kiểm tra và chứng nhận sản phẩm rau, quả tươi an toàn tại Việt Nam nhằm: *Một là* tăng cường trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong sản xuất và quản lý an toàn thực phẩm; *hai là* tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân thực hiện sản xuất và được chứng nhận VietGAP; *ba là* đảm bảo được tính minh bạch, truy nguyên được nguồn gốc của sản phẩm và *bốn là* nâng cao chất lượng và hiệu quả cho sản xuất rau, quả tại Việt Nam.

Đến nay, mới có 16 tỉnh thành phố sản xuất kinh doanh rau an toàn xây dựng quy hoạch trồng rau, với diện tích gần 38.000 ha, trong đó có hơn 4.000 ha đã được chứng nhận đủ điều kiện sản xuất rau an toàn (RAT). Dự án “Hướng dẫn nông dân xây dựng mô hình và sản xuất RAT theo hướng GAP” đang được triển khai tại 6 tỉnh, thành là Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Hà Tây và Hưng Yên (Cục Trồng trọt, 2009).

3.2. Tổng quan áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) trong sản xuất rau tại Hà Nội

Theo báo cáo, Hà Nội mỗi năm đã tự sản xuất được khoảng 570.000 tấn rau/năm, đáp ứng được 60% nhu cầu về rau xanh trên địa

bàn, còn 40% vẫn phải nhập từ các địa phương khác. Tuy nhiên, thực tế cho thấy Hà Nội mới chỉ có khoảng 2100 ha sản xuất RAT, mới đáp ứng được khoảng 14% nhu cầu. Toàn thành phố có trên 120 cửa hàng bán RAT đã được cấp chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, 8 chợ đầu mối buôn bán rau và chỉ có duy nhất 1 chợ đầu mối Vân Nội (Đông Anh) đã có khu vực bán RAT và rau thường riêng biệt (Ngọc Yến và Vũ Hán, 2009).

Tháng 05 năm 2009, Hà Nội thông qua dự án phát triển sản xuất và tiêu thụ rau an toàn cho giai đoạn 2009 - 2015. Mục tiêu của dự án là mở rộng diện tích trồng rau của Hà Nội lên 12.000- 12.500 ha trong đó diện tích rau an toàn vào khoảng 5.000 đến 5.500 ha (UBND thành phố Hà Nội, 2009). Như vậy, Hà Nội đã và đang nỗ lực phát triển diện tích rau an toàn để đảm bảo nhu cầu của cư dân thành phố. Tuy nhiên, tính đến tháng tám năm 2010, toàn thành phố mới xây dựng được 16 dự án vùng RAT tập trung với tổng diện tích 1.925 ha để trình duyệt, trong đó có ba dự án với gần 190 ha đã được thành phố phê duyệt. Đến nay, toàn thành phố mới có hơn 300 ha được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất RAT (TTXVN, 2010).

Ngoài việc triển khai xây dựng nhiều mô hình sản xuất, tiêu thụ RAT theo qui trình VietGAP tại các địa phương, Chi cục BVTV đã hướng dẫn, thẩm định và cấp 29 Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất rau an toàn và 8 Giấy chứng nhận cơ sở sơ chế rau an toàn cho các tổ chức, cá nhân đủ điều kiện. Chi cục BVTV đang phối hợp với các cơ quan chuyên môn tập huấn, điều tra, đánh giá thực trạng và tiến hành lấy mẫu đất, nước tưới ở 112/117 xã, phường có sản xuất rau để phân tích các chỉ tiêu về kim loại nặng, tồn dư thuốc BVTV và vi sinh vật.

Sản xuất rau theo qui trình VietGAP ở Hà Nội nằm trong đề án "Sản xuất và tiêu thụ rau an toàn của thành phố giai đoạn 2006 - 2010" do Chi cục Bảo vệ thực vật (BVTV) thực hiện. Kết quả triển khai áp dụng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) do Chi cục BVTV Hà Nội tổng kết được thể hiện ở bảng 1.

Bảng 1. Các kết quả bước đầu của thực hiện qui trình VietGAP trong sản xuất rau an toàn của Hà Nội

Nội dung hoạt động	Kết quả
1. Tập huấn ToT và kỹ thuật về quy trình IPM, RAT và nội dung các văn bản qui phạm pháp luật Vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP)	2 năm (2009 và 2010): tập huấn 265 lớp với 7950 lượt nông dân về IPM trên rau; 2 lớp ToT với 60 cán bộ về phương pháp và thực hành ghi chép và 40 lớp ngắn hạn với 320 lượt nông dân trồng rau về cách ghi chép biểu mẫu.
2. Xây dựng quy chuẩn kỹ thuật và quy trình sản xuất theo VietGAP	2009: ban hành 10 quy trình kỹ thuật sản xuất rau an toàn cho các chủng loại rau: cải bắp, cải xanh, rau ngót, rau muống cạn, rau muống ruộng, dưa chuột, cải củ, đậu đũa, cà chua, cà pháo và súp lơ xanh. Dự kiến 2010: xây dựng và ban hành tiếp 20 quy trình kỹ thuật sản xuất rau an toàn cho các loại rau chính của thủ đô
3. Đầu tư, hỗ trợ và chính sách	- Quyết định số 2083/QĐ-UBND, về việc phê duyệt Đề án sản xuất và tiêu thụ rau an toàn thành phố Hà Nội, giai đoạn 2009-2015, trong đó có sản xuất theo quy trình VietGAP 2008: Bộ Nông nghiệp & PTNT hỗ trợ 175 triệu đồng để xây dựng mô hình thí điểm sản xuất RAT theo hướng VietGAP tại phường Giang Biên - quận Long Biên.
4. Xây dựng mô hình sản xuất và chứng nhận sản phẩm phù hợp theo VietGAP	2008-2009: - Mô hình tại HTX Tiền Lê, xã Tiền Yên, Hoài Đức: được triển khai với sự giúp đỡ của dự án Superchain do Viện Nghiên cứu rau quả chứng nhận. - Mô hình tại HTX Phương Viên, xã Song Phương, Hoài Đức: được triển khai với sự giúp đỡ của dự án Superchain do Viện Nghiên cứu rau quả chứng nhận. - Mô hình tại Công ty Cổ phần sản xuất và dịch vụ nông sản an toàn Hà An. Do Chi cục BVTV Hà Nội chứng nhận. 2010: Mô hình tại HTX Lĩnh Nam, Hoàng Mai do Công ty Enasa Việt Nam chứng nhận - 2 mô hình sản xuất rau theo hướng VietGAP tại Yên Mỹ (Thanh Trì) và Cụm Khối (Long Biên) với quy mô 03 ha/mô hình hiện đang thực hiện do Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản chứng nhận.

Nguồn: Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội; Chi cục bảo vệ thực vật Hà Nội, 2009

Như vậy, có thể nói rằng chương trình sản xuất rau an toàn theo quy trình VietGAP của thành phố Hà Nội mới thực hiện thí điểm ở một số mô hình với diện tích và sản lượng không lớn. Chẳng hạn mô hình sản xuất rau theo quy trình VietGAP của Công ty Hà An tại phường Giang Biên, quận Long Biên, Hà Nội với quy mô 5 ha, rau sản xuất ra tiêu thụ chủ yếu tại các nhà hàng, siêu thị, bình quân 1000- 1300 kg/ngày (Chi cục BVTV Hà Nội, 2009). Hiện nay Chi cục BVTV Hà Nội đang tổng kết, đánh giá và phổ biến trên diện rộng trong các năm tiếp theo.

Theo đánh giá chung của các nhà nghiên cứu, những yếu kém trong sản xuất RAT theo VietGAP của Hà Nội là sản xuất manh mún, nhỏ lẻ. Diện tích RAT nói chung và RAT theo VietGAP vẫn chưa phát triển; chi phí chứng nhận quá cao so với giá thành sản phẩm và thu nhập của người dân (cả người

nông dân và người tiêu dùng); và nông dân chưa hình thành thói quen ghi chép, theo dõi và quản lý các loại hóa chất cũng như nội dung công việc mà bản thân mình đã thực hiện nên gây khó khăn cho công tác truy nguyên nguồn gốc, xuất xứ sản phẩm. Hơn nữa, lợi ích kinh tế của các sản phẩm sản xuất theo VietGAP chưa rõ ràng, thậm chí đôi khi rau sản xuất VietGAP không cạnh tranh được với sản phẩm cùng loại trên thị trường tự do. Phần lớn người sản xuất và người tiêu dùng vẫn thiếu hiểu biết về sản xuất và nông sản được sản xuất theo VietGAP; hệ thống quản lý sản xuất rau an toàn chưa thực sự chặt chẽ, đồng bộ và thiếu sự tham gia của người dân. Hiện nay, vẫn còn hiện tượng nông dân sản xuất và tiêu thụ rau an toàn trên địa bàn Hà Nội không thực hiện đúng quy trình.

3.3. Sản xuất rau an toàn theo VietGAP của các hộ nông dân

Sử dụng tài liệu điều tra 120 hộ nông dân ở 4 xã thuộc 2 huyện Đông Anh và Gia Lâm về thực hiện các nội dung của quy trình VietGAP trong trồng rau vụ đông năm 2008-2009, nghiên cứu này đưa ra một số đánh giá.

3.3.1. Tổ chức triển khai thực hiện quy trình VietGAP trên địa bàn huyện

Sau khi quy trình VietGAP được ban hành tháng 1/2008 theo Quyết định số 379/QĐ – BNN - KHCN, UBND các huyện đã giao cho Phòng Kinh tế kết hợp với Trạm Khuyến nông và Chi cục BVTV tổ chức các lớp tập huấn về quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho cán bộ ở một số xã được chọn làm thí điểm (Văn Đức, Đặng Xá thuộc huyện Gia Lâm; Văn Nội, Nam Hồng thuộc Đông Anh). Thông qua lớp tập huấn này nhằm tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về quy trình VietGAP trong sản xuất rau quả trên địa bàn huyện trong thời gian tới.

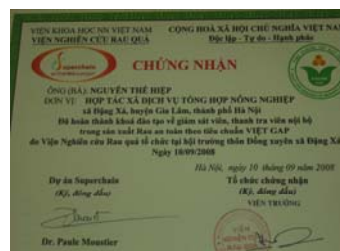
Các hộ tham gia tập huấn đều được cấp giấy chứng nhận đã tham gia lớp tập huấn về VietGAP (Hình 1). Các hộ có giấy chứng nhận đã tham gia lớp tập huấn này mới được đăng ký tham gia chương trình thử nghiệm.

Kết quả là ở Đặng Xá có 32 hộ đăng ký tham gia với tổng diện tích là 9.320 m² với sự tài trợ của Dự án SuperChain, Viện nghiên cứu rau quả và Chi cục BVTV. Ở xã Văn Đức và 2 xã thuộc Đông Anh chỉ dừng lại ở các khuyến nông viên. Không có người dân nào

đăng ký tham gia thử nghiệm qui trình VietGAP. Để làm tốt khâu kiểm tra, giám sát thực hiện quy trình, một số cán bộ địa phương như chủ nhiệm HTX Đặng Xá, đội trưởng đội sản xuất thôn Đồng Xuyên... đã tham gia khóa đào tạo về giám sát, thanh tra viên nội bộ trong sản xuất rau theo quy trình VietGAP. Việc giám sát, ghi chép nhật kí đồng ruộng được các các bộ giám sát nội bộ và cán bộ Chi cục BVTV kiểm tra thường xuyên nghiêm ngặt ngay trên đồng ruộng về bón phân và phun thuốc BVTV.

3.3.2. Nhận thức của người sản xuất về qui trình VietGAP

Các hộ đã được tập huấn có nhận thức tốt hơn các hộ chưa tham gia tập huấn về qui trình VietGAP. Tuy nhiên trong tổng số các hộ đã được tập huấn có 23,33% hộ hiểu đúng qui trình, 64,16 % số hộ hiểu được 50% qui trình (Qui trình sản xuất nông nghiệp tốt là phải bảo vệ môi trường, không sử dụng phân tươi, cách ly thuốc BVTV đúng qui định, hạn chế sử dụng phân hóa học và rửa rau trước khi tiêu thụ) và vẫn còn 12,5% chưa nhận thức đúng về qui trình. Do trình độ người trồng rau có hạn, mà nội dung qui trình bao trùm nhiều vấn đề, đồng thời tổ chức tập huấn chưa tốt có thể ảnh hưởng đến nhận thức của người dân. Với các hộ chưa tham gia tập huấn, họ mới được nghe qua các phương tiện truyền thông và bà con trong vùng, họ cho rằng VietGAP cũng tương tự như qui trình IPM hoặc RAT. Như vậy, để VietGAP đưa vào thực tiễn cuộc sống trước hết cần thay đổi nhận thức của người trồng rau.



Hình 1. Các hộ nông dân tham gia tập huấn qui trình VietGAP và được cấp giấy chứng nhận tại xã Đặng Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội

3.3.3. Thực hiện các tiêu chuẩn của quy trình VietGAP

Tổng hợp các dữ liệu điều tra của hộ trồng rau ViệtGAP theo 12 tiêu chí của quy

trình VietGAP mà Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành (Bảng 2), nghiên cứu đưa ra một số nhận xét dưới đây.

Bảng 2. So sánh các điều kiện sản xuất của các hộ điều tra với yêu cầu của qui trình VietGAP

Diễn giải	Theo tiêu chuẩn VietGAP	Thực tế hộ nông dân sản xuất
1. Vùng sản xuất	Vùng sản xuất không có mối nguy ô nhiễm	Đã được chứng nhận vùng sản xuất RAT
2. Giống	- Có nguồn gốc rõ ràng - Xử lý mầm bệnh trước khi gieo trồng	- 100% Mua tại đại lý - Không xử lý mầm bệnh
3. Đất	- Đánh giá chất lượng hàng năm - Không chăn thả vật nuôi	- 100% Không đánh giá . - ít chăn thả vật nuôi
4. Nước	- Hàng năm đánh giá theo tiêu chuẩn quy định	SD nước giếng khoan và nước mương - Không đánh giá
5. Phân bón	- Có nguồn gốc rõ ràng - Có trong danh mục cho phép - Không dùng phân tươi, có bể ủ phân - Dùng đúng hướng dẫn ghi trên bao bì - Đánh giá nguy cơ ô nhiễm từ phân mỗi vụ	- 100% Phân hoá học mua tại đại lý - 100% phân bón có trong danh mục - 100% phân hữu cơ ủ hoai mục, phân vi sinh, không có bể ủ phân - Sử dụng không đúng hướng dẫn - 100% không đánh giá nguy cơ ô nhiễm
6. Hóa chất, thuốc BTVT	- Có nguồn gốc rõ ràng - Thuốc có trong danh mục cho phép - Sử dụng đúng hướng dẫn ghi trên bao bì - Thường xuyên kiểm tra dư lượng hóa chất	- 100% mua tại các đại lý - Có sử dụng thuốc ngoài danh mục - Không dùng đúng hướng dẫn trên bao bì - Không kiểm tra dư lượng hoá chất
7. Thu hoạch và xử lý sau thu hoạch	- Rau không để trực tiếp đất, hạn chế để qua đêm - Sơ chế trước khi tiêu thụ - Có khu rửa, vệ sinh, sơ chế riêng - Vệ sinh thiết bị dụng cụ	- Để trực tiếp đất, không để qua đêm. - 30% có rửa, vệ sinh - Không có khu rửa, vệ sinh và sơ chế riêng - Không vệ sinh dụng cụ
8. Quản lý và xử lý chất thải	Xử lý chất thải ở mọi công đoạn	Không có biện pháp quản lý và xử lý chất thải. "tiện đâu để đấy"
9. Người lao động	- Phải được tập huấn sản xuất - Phải được trang bị bảo hộ - Trong độ tuổi lao động và có hồ sơ cá nhân .	- Có tập huấn - Có trang bị bảo hộ, không an toàn. - Tận dụng lao động gia đình, không phân biệt độ tuổi.
10. Ghi chép, lưu trữ hồ sơ, truy nguyên nguồn gốc	- Ghi chép và lưu giữ đầy đủ tất cả nhật ký trong quá trình sản xuất kinh doanh	- 100% Không ghi chép
11. Kiểm tra, giám sát nội bộ	- 1 năm 1 lần kiểm tra giám sát nội bộ việc thực hiện sản xuất theo quy trình - Có biên bản, báo cáo tổng kết việc kiểm tra đánh giá	- Không có
12. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại	- Có sẵn mẫu đơn khiếu nại - Có trách nhiệm giải quyết ngay khi có yêu cầu	- Không có

Nguồn: Điều tra hộ trồng rau vụ đông năm 2008-2009 tại Vân Nội, Nam Hồng, Đặng Xá, Văn Đức

** Các tiêu chuẩn đã thực hiện tương đối tốt:*

Vùng sản xuất rau của các xã điều tra thuộc 2 huyện đã được chứng nhận nằm cách xa đường quốc lộ lớn, cách xa các khu công nghiệp, nhà máy, không có các bệnh viện lớn, không chịu ảnh hưởng của nước thải công nghiệp, nước thải bệnh viện,... nên nguồn nước đảm bảo không nhiễm khuẩn, không có hàm lượng kim loại cao. Một điểm đáng chú ý là 90% giống rau sản xuất đều nhập nội của Nhật, Pháp, Thái Lan và Đài Loan và chất lượng giống nhìn chung là tốt, không nhiễm sâu bệnh. Nguồn nước tưới rau chủ yếu của các hộ nông dân là nước giếng khoan. Do nằm liền kề hệ thống sông Hồng nên lượng nước ngầm khá dồi dào, nước chứa ít hàm lượng các kim loại như sắt. Các loại phân vô cơ sử dụng theo danh mục hướng dẫn, phân hữu cơ có ủ hoại mục và phân vi sinh.

** Các tiêu chuẩn thực hiện chưa tốt là đất trồng rau chưa kiểm tra hàng năm:*

Kết quả phỏng vấn cho thấy 100% số hộ cho biết đất của gia đình chưa bao giờ được kiểm tra và giống chưa được xử lý trước khi gieo trồng. Hơn nữa, đa số các hộ đều cho rằng hệ thống kênh mương dẫn nước chưa kiên cố hoá, còn nhiều cỏ dại phát triển, vương vãi nhiều bao bì, chai lọ đựng thuốc BVTV gây tù đọng, nhiễm hoá chất, vi sinh vật gây bệnh cho nước tưới. Hơn nữa có tới trên 90% các hộ sản xuất rau vẫn sử dụng các phương tiện vận chuyển và bảo quản thô sơ khi thu hoạch rau.

** Các tiêu chuẩn chưa thực hiện:*

Sử dụng bón phân, thuốc BVTV không đúng hướng dẫn trên bao bì; không kiểm tra dư lượng hoá chất; không có khu rửa, vệ sinh và sơ chế riêng; không vệ sinh dụng cụ; không có biện pháp quản lý và xử lý chất thải; tiện dậu để dấy; không ghi chép; không có kiểm tra giám sát nội bộ và khiếu nại cũng như giải quyết khiếu nại. Đây chính là các thách thức, cản trở việc thực hiện quy trình này.

3.4. Các yếu tố ảnh hưởng và khuyến nghị giải pháp

Thực hiện theo quy trình VietGAP trong sản xuất RAT của thành phố Hà Nội mới ở bước thử nghiệm, chưa nhân rộng và chưa được các hộ nông dân nhận thức đúng là do nhiều yếu tố ảnh hưởng từ nội lực của người sản xuất kinh doanh và từ bên ngoài (tác động của các tổ chức kinh tế xã hội). Các yếu tố bên trong có ảnh hưởng đến việc áp dụng VietGAP bao gồm: trình độ nhận thức hạn chế của hộ nông dân về VietGAP; thiếu vốn sản xuất; đất sản xuất phân tán, manh mún; sản xuất còn tự phát, đơn lẻ thiếu liên kết hợp tác. Các yếu tố bên ngoài gồm: thiếu quy hoạch và định hướng của chính quyền địa phương để hình thành các vùng sản xuất chuyên canh rau an toàn với quy mô lớn, cơ chế chính sách hỗ trợ sản xuất và tiêu thụ rau an toàn chưa đầy đủ và đồng bộ; thiếu hệ thống đánh giá, kiểm tra, thanh tra và công tác tuyên truyền vận động người dân về VSATTP còn yếu.

Để quy trình VietGAP sớm được nhân rộng và thành hiện thực cần có các giải pháp như: *i)* Đầu tư hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật để phục vụ sản xuất theo quy định tại Thông tư 59/2009/TT - BNN & PTNT, ngày 29/9/2009 của Bộ Nông nghiệp & PTNT hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 107/2008/QĐ - TTg ngày 30/7/2008 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, chế biến, tiêu thụ rau, quả, chè an toàn đến 2015; *ii)* Khuyến khích đồn điền đổi thửa nhằm hình thành các vùng sản xuất rau an toàn có quy mô lớn để từng bước phát triển sản xuất hàng hoá; *iii)* Hỗ trợ để thiết lập hệ thống quản lý chất lượng nội bộ (tự giám sát hay còn gọi là giám sát nội bộ) phù hợp từng vùng sản xuất và hỗ trợ kinh phí cho công tác chứng nhận sản phẩm sản xuất theo VietGAP; *iv)* Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến đối với cả người sản xuất và tiêu dùng về sản xuất và nông sản sản xuất theo VietGAP.

3. KẾT LUẬN

Trước nhu cầu của xã hội ngày càng tăng về sản phẩm nông nghiệp (nhất là rau xanh) đảm bảo VSATTP, VietGAP là quy trình có nhiều ưu việt, đáp ứng yêu cầu của người sản xuất, chế biến, kinh doanh và tiêu thụ đối với sản phẩm rau quả an toàn. Trong sản xuất RAT của thành phố Hà Nội, quy trình VietGAP mặc dù đã được triển khai nhưng mới thử nghiệm ở một số mô hình do Chi cục BVTV, Viện Nghiên cứu Rau quả Trung ương và một số dự án của các tổ chức phi chính phủ tài trợ thực hiện. Thực tế ở các mô hình thử nghiệm này, hầu hết trong các khâu của quá trình sản xuất, người dân mới tiếp cận chứ chưa thực hiện tốt theo quy trình mà nguyên nhân do cả 2 phía (nội lực của hộ nông dân và công tác tổ chức quản lý các cấp). Hơn nữa, nhận thức của người dân về VietGAP còn hạn chế và công tác tuyên truyền chưa thực sự mạnh mẽ. Để quy trình này thực thi trên diện rộng cần có sự kết hợp của các ngành, các cấp và người sản xuất kinh doanh cùng thực hiện tốt các giải pháp nâng cao năng lực người sản xuất, kinh doanh và quản lý đồng thời tăng cường tổ chức quản lý các cấp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- ASEAN Secretariat (2006). 'Good agricultural practices for production of fresh fruit and vegetables in the ASEAN region', *ASEAN Secretariat*, Jakarta.
- Bộ Nông nghiệp & PTNT (2008), 'Quyết định số 379/QĐ-BNN-KHCN ngày 28/1/2008 về thực hiện quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho rau, quả tươi an toàn tại Việt Nam'.
- Chi cục BVTV Hà Nội (2009). 'Báo cáo vệ sinh an toàn thực phẩm'.
- Cục Trồng trọt, Bộ Nông nghiệp & PTNT (2009). 'Báo cáo kết quả áp dụng quy trình VietGAP sau 1 năm triển khai'.
- EUREPGAP (2004). 'Guidelines for implementing EUREPGAP for Australian fresh fruit and vegetables producers', Australian Government - Department of Agriculture, Fisheries and Forestry, Canberra ACT 2601 Australia.
- <http://www.eurep.org>: EUREPGAP Fruit and Vegetables, up date on May, 2010.
- Ngọc Yến và Vũ Hân (2009). 'Hà Nội quyết "tự cung" rau an toàn', *Tạp chí CAND*, Hà Nội.
- Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội (2009). 'Báo cáo tổng kết 5 năm (2005 – 2009) về sản xuất rau an toàn của Hà Nội'.
- UBND Thành phố Hà Nội (2009). 'Đề án sản xuất rau an toàn trên địa bàn Hà Nội đến năm 2015'.
- Thông tấn xã Việt Nam (2010). 'Hà Nội: Nhiều vướng mắc về sản xuất rau an toàn'.